



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TAN ĐỨC
Last Middle First

Current Address: 596 Hai Bà Trưng - Phường Hòa Bình - Quận 1 - TP. HCM

Date of Birth: 06/27/43 Place of Birth: Bà Rịa

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/12/75 To 12/12/80
Years: 5 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FJPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

LỘ NỘI VỤ
Trại Thủ Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(Độc lập - Tự do - Hạnh phúc)

Mô hình 100/100, báo
hành theo công văn số
2365 ngày 21 tháng 11
năm 1972

Số 47/GPT

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCT/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Công an.

Thi hành án văn, quyết định của số 154 ngày 25 tháng 11 năm 1980

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên thật sinh Nguyễn Tấn Đức

Họ, tên thường gọi Nguyễn Tấn Đức

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 27 tháng 06 năm 1943

Nơi sinh Cà Mau

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Số Nguyễn Thành Lý,

Phước Lễ, Cà Mau

Cán bộ Thiệu úy Sỹ Quan Nguyễn Tấn ĐP

Ngày 27/6/1977 An phát TTCT

Theo quyết định, án văn số tháng năm của

thị trấn thành phố công thành năm tháng

Đã được giám sát tại thị trấn công thành năm tháng

Về về cư trú tại 596 Nguyễn Thành Lý, Phước Lễ, Châu Thành, Đồng Nai

Đã xét quá trình cư trú

Tư tưởng chưa có biểu hiện gì xấu, tham

gia lao động tốt, có năng công cao, chấp hành nội quy của trại

Thời hạn đi dưỡng 02 ngày (Hai ngày) kể từ ngày ký giấy ra trại

Thời hạn quan chế 12 tháng (mười hai tháng)

Tiền và lương thực gì được đã cấp từ trại về đến gia đình

Lưu tại: Ban chấp hành

Nguyễn Tấn Đức

Đã ký

Họ, tên, chức vụ
người được cấp giấy

Ngày 12 tháng 12 năm 1980

Phó Giám sát

Phó



Đại tá Phan Như Phúc

ODP CHECK FORM

Date: 5/5/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN
RP/RAP/SEA. (ODP)
Department of State
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: nguyen tan Duc

Date of Birth: June 27-1943

Address in VN 596 Hai Ba Trung Ba Vre Dong Nai

Spouse Name: nguyen Chu Hien

Number of Accompanying Relatives: _____

Reeducation Time: 5 Years 5 Months _____ Days

IV # _____

VEWL # _____

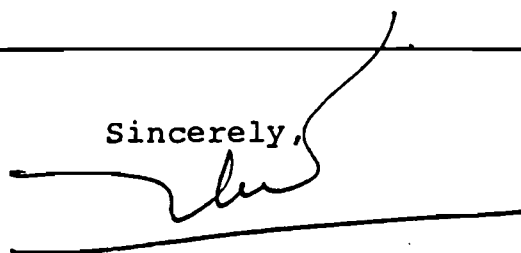
I-171 : _____ Yes; _____ No. - EXIT PERMIT: _____ Yes ; _____ No.

Special List # _____

Sponsor: _____

Remarks:
(From Mr. Sullivan) _____

Sincerely,



KHUC MINH THO

Tel. _____

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

Câu hỏi cho người nộp đơn

DATE: NGÀY:

1 - 8 - 1988.

A. - BASIC IDENTIFICATION DATE: Lý lịch căn bản:

1. NAME: Họ, tên: NGUYỄN TẤN ĐỨC: Sex: Nam

2. OTHER NAME: Họ, tên khác: Nguyễn Tấn Đức

3. DATE PLACE OF BIRTH / Ngày, nơi sinh:

27 - 6 - 1943 - Phước Lễ - BÀ RỊA.

A. RESIDENCE ADDRESS / Địa chỉ thường trú:

596. Hải Bà Trưng, Thôn Phước Lễ - BÀ RỊA - ĐỒNG NAI

5. CURRENT OCCUPATION / Nghề nghiệp hiện tại:

THỢ ĐIỆN.

6. MAILING ADDRESS / Địa chỉ thư từ:

596. Hải Bà Trưng, Thôn Phước Lễ - BÀ RỊA - ĐỒNG NAI

7. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cũng đi với tôi:

(NOTE) YOUR SPOUSE AND UNMARRIED CHILDREN ARE THE ONLY RELATIVES ELIGIBLE TO ACCOMPANY YOUR LIST MARITAL STATUS (MS) AS FOLLOWS, MARRIED (M), DIVORCED (D), WIDOWED (W) or SINGLE

(chú ý): Vợ, chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi kể khai trình trạng gia đình như sau: Đã tập gia đình (M) đã ly dị (D) góa phụ, góa thê (W) hoặc độc thân (S)

NAME Họ, tên	DATE OF BIRTH Ngày, tháng, năm sinh	PLACE OF BIRTH nơi sinh	Sex phái	MS. Tình trạng	REL. quan hệ
NGUYỄN CHI HIỀU	17 - 3 - 1955	BÀ RỊA	Nữ	V3	V3

(NOTE): FOR THE PERSONS LISTED ABOVE, WE WILL NEED LEGIBLE COPIES = BIRTH CERTIFICATES MARRIAGE CERTIFICATES (IF MARRIED) DIVORCE DECREE (IF DIVORCED) SPOUSE'S DEATH CERTIFICATES (IF WIDOWED), IDENTIFICATION CARDS (IF AVAILABLE), AND PHOTOS IF ANY OF THE ABOVE ACCOMPANYING RELATIVES DO NOT LIVE WITH YOU, PLEASE NOTE THEIR ADDRESSES IN SECTION 2 BELOW) (chú ý): Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu tập gia đình) giấy ly hôn (nếu đã ly dị) giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê) thẻ căn cước (nếu có) và hình ảnh. Nếu bà con cũng đi với bạn không chung ngụ hiện tại, xin viết địa chỉ trong phần I).

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở ngoài quốc.

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / DEAD), Danh sách toàn thể gia đình

1. FATHER / CHA:

Nguyễn Văn Chà (sống). 5q6. Phước Hiền - Bà Rịa - Đồng Nai.

2. MOTHER / MẸ - Nguyễn Thị Năm (sống) - u -

3. SPOUSE / VỢ / CHỒNG: Nguyễn Chi Hiếu. 6q4. Phước Hiền - u -

4. FORMER SPOUSE (IF ANY) / VỢ / CHỒNG TRƯỚC (nếu có).

Nguyễn Kim Cúc (vợ) (đã ly dị).

5. CHILDREN / CON CÁI / 0.

6. SIBLINGS / ANH CHỊ EM.

E. EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOUR OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ / chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ.

F. SERVICE WITH SVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ / chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam.

1. NAME OF PERSON SERVING / Họ tên người tham gia

NGUYỄN TÂN ĐỨC - Sĩ Quan: 43/170.977

2. Date / Ngày tháng năm

FROM / TỪ: 20 / 4 / 1964 To / ĐẾN: 30 / 4 / 1975

3. LAST RANK / cấp bậc cuối cùng: THIẾU UY.

(Sĩ Quan Tuyển Tin. Tiểu đoàn 339 / ĐPQ.

4. MINISTRY / OFFICE / MILITARY UNIT / Bộ / Sở / Đơn vị binh chủng.

Địa phương Quân - Tiểu đoàn 339 / ĐPQ

Tiểu khu Tây Ninh - KBC: 4.188.

5. NAME OF SUPERVISER / C.C. / Họ tên người Giám thị / Sĩ Quan c. +

- Ông tá Nguyễn Văn Mẫn Tiểu đoàn trưởng TD. 339 / ĐPQ.

- Đại tá Nguyễn Văn Ông Tiểu khu trưởng + Khe: 4188

6. REASON FOR LEAVING / Lý do ra đi:

7. NAME OF AMERICAN ADVISER(S) / Họ tên cố vấn Mỹ.

8. US TRAINING COURSES IN VIETNAM / Chương trình huấn luyện HK tại VN.

9. US AWARDS OR CERTIFICATES / Giấy khen hoặc chứng thư HK cấp:

(NOTE): PLEASE ATTACH ANY COPIES OF DIPLOMAS AWARDS OR CERTIFICATES

IF AVAILABLE. AVAILABLE? YES: ... NO: X.

(chú ý): Xin bạn kèm theo bất cứ lần bảng, giấy khen hoặc chứng thư nếu có. / Đừng sự có ... không. - X.)

G. TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOUR OR YOUR SPOUSE. /

- Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở'Ngaì Quốc.

1. NAME OF STUDENT/TRAINEE/HỌ, TÊN SINH VIÊN NGƯỜI ĐƯỢC HUẤN LUYỆN

2. SCHOOL AND SCHOOL ADDRESS...

3. DATE . FROM : . . . TO . . .

4. DESCRIPTION OF COURSES.

5. WHEN YOU FOR TRAINING:

(NOTE: PLEASE ATTACH COPIES OF DIPLOMAS OR ORDERS, IF AVAILABLE. AVAILABLES? YES... NO...)

H. - REEDUCATION OF YOUR OR YOUR SPOUSE /

- Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. NAME OF PERSON REEDUCATION. /HỌ, TÊN NGƯỜI ĐI HỌC TẬP
CẢI TẠO :

NGUYỄN - TẤN - ĐỨC.

2. TIME IN REEDUCATION / TỔNG CỘNG THỜI GIỜ HỌC TẬP Cải Tạo
05 YEARS - 05 MONTHS - 13 DAYS

3. STILL IN REEDUCATION? YES : - - - - NO : - X -

(IF RELEASED WE MUST A COPY / OF YOUR RELEASE CERTIFICATE

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra thả).

I. - ANY ADDITIONAL REMARKS. / Cước chú phụ thuộc.

* Xin nói rõ thêm - Vợ tôi Nguyễn Cửu Hiếu

- đang trú tại GPH. Nguyễn Đình. Hiếu.

Tên trước hên - Thị trấn Bà Rịa - Đồng Nai -

SIGNATURE.

DATE:

Ký tên.

Ngày . 01 - 8 - 1988.

Đức

Nguyễn - Tấn - Đức

- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO
THIS QUESTIONNAIRE.

* 01 Bản photo - Giấy ra thả.

DIÊU TRINH



TO :

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS
ASSOCIATION P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA
22205-0635

OCT 03 1988

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form 100
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

5/2/89 *for em*